

**ĐÁNH GIÁ THÁI ĐỘ HỌC TRỰC TUYẾN
VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y - DƯỢC ĐÀ NẴNG**

*Huỳnh Thị Ly**, *Nguyễn Thị Ân Nhân*, *Đinh Thị Thế*

Trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng

**Email: htly@dhktyduocdn.edu.vn*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nền tảng học tập trực tuyến đã trở nên quan trọng trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, hình thức này không phải lúc nào cũng được triển khai thành công bởi chịu tác động đáng kể của sự sẵn sàng tiếp nhận và thái độ của sinh viên đối với mô hình học tập mới. **Mục tiêu nghiên cứu:** Đánh giá thái độ học trực tuyến và tìm hiểu một số yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y- Dược Đà Nẵng. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Một nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 389 sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng. Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi Scale to Measure Student Attitudes Towards E-learning – SMATE để đánh giá thái độ học trực tuyến của sinh viên. **Kết quả:** Điểm trung bình về thái độ học trực tuyến của sinh viên đạt mức trung bình ($127,8 \pm 10,2$). Năm học của sinh viên và chất lượng dịch vụ internet có mối liên quan với thái độ học trực tuyến của sinh viên ($p < 0,05$), tuy nhiên mối tương quan giữa thái độ của sinh viên với năm học hiện tại của sinh viên và chất lượng dịch vụ internet là yếu, hệ số tương quan lần lượt là $r = -0,126$ và $r = 0,139$. **Kết luận:** Sinh viên có thái độ mức trung bình đối với học trực tuyến. Cần có các biện pháp cải thiện hệ thống học trực tuyến giúp nâng cao thái độ học trực tuyến của sinh viên.

Từ khóa: Học trực tuyến, thái độ học trực tuyến của sinh viên, sinh viên.

ABSTRACT

**ASSESSING ATTITUDE TOWARDS E-LEARNING AND
RELATED FACTORS AMONG STUDENTS OF DA NANG UNIVERSITY
OF MEDICAL TECHNOLOGY AND PHARMACY**

*Huỳnh Thị Ly**, *Nguyễn Thị Ân Nhân*, *Đinh Thị Thế*

Da Nang University of Medical Technology and Pharmacy

Background: E-learning has gained an importance in the higher education. However, this platform is not always successfully implemented due to the significant impact on the readiness to embrace and students' attitude towards the new learning model. **Objectives:** To assess attitude towards e-learning and identify its related factors among students of Da Nang University of Medical Technology and Pharmacy. **Materials and method:** A cross-sectional study was conducted on 389 students. The study used Scale to Measure Student Attitudes Towards E-learning – SMATE to assess attitude towards e-learning among students. **Results:** The mean score of students' attitudes towards e-learning accounted at moderate level (127.8 ± 10.2). Students' school year and internet service quality expressed the correlation with students' e-learning attitude ($p < 0.05$), while the study found the weak correlation between students' attitude with current school year of students participating in the study and internet service quality, at $r = -0.126$ and $r = 0.139$, respectively. **Conclusion:** Students had moderate level of attitude towards e-learning. It is essential to have solutions to improve the e-learning system in order to enhance students' attitude towards e-learning.

Keywords: E-learning, students' attitude towards e-learning, student.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học tập trực tuyến là phương thức đào tạo hiện đại dựa trên công nghệ thông tin, đáp ứng được nhu cầu của người học bởi tính linh hoạt và tiện dụng, có thể sử dụng bất cứ khi nào, ở đâu và có thể học được nhiều lần theo nhu cầu của từng người [1].

Các nền tảng học tập trực tuyến được các trường đào tạo y khoa trên thế giới sử dụng ngày càng nhiều và bao gồm các hướng dẫn thích ứng, video nghe nhìn và mô hình ảo. Những phương tiện giáo dục này có một số lợi ích khác biệt so với mô hình dạy học giáo khoa truyền thống, bao gồm khả năng cập nhật tài liệu kịp thời để đảm bảo cung cấp nội dung dựa trên bằng chứng mới nhất cho học viên. Học tập trực tuyến đã được chứng minh có hiệu quả và có thể được sử dụng để thúc đẩy quá trình học tập tự định hướng. Nó khuyến khích sinh viên y khoa kiểm soát tốt hơn việc học của họ bằng cách cho phép khả năng đi qua các nội dung nhanh chóng và linh động. Với mô hình học tập trực tuyến này, các nhà giáo dục có thể đánh giá năng lực một cách khách quan thông qua các bài đánh giá trực tuyến, sinh viên có thể nhận được phản hồi và tự cải thiện bản thân [5].

Theo tổng quan một số y văn trên thế giới, người học y khoa có thái độ khác nhau về học tập trực tuyến. Một nghiên cứu cho kết quả phần lớn sinh viên y khoa cho rằng việc học trực tuyến là thú vị, hiệu quả và giúp cải thiện kỹ năng về tư vấn [10]. Mặt khác, một nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Hacettepe trên 414 sinh viên y khoa cho thấy thái độ của sinh viên đối với việc học tập trực tuyến là trung lập [8].

Tại Việt Nam, việc học trực tuyến đã trở nên phổ biến khoảng hơn hai thập kỷ trước, một số trường đại học đã triển khai hình thức hội nghị/dạy học trực tuyến, và bước đầu thu được một số kết quả nhất định [2]. Cùng với sự dịch chuyển từ phương pháp dạy học truyền thống sang dạy học trực tuyến, người học đồng thời sẽ gặp không ít trở ngại. Điều này đòi hỏi người học phải có thái độ phù hợp, đúng đắn cũng như sự sẵn sàng khi tiếp cận, thích nghi với hình thức dạy và học mới này. Từ thực tế trên, nghiên cứu “Đánh giá thái độ học trực tuyến và một số yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng” được thực hiện với mục tiêu: (1) Đánh giá thái độ học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng. (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến thái độ học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang, thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2022.

- **Cỡ mẫu:** Cỡ mẫu được ước lượng theo công thức:

$$n = Z^2(1-\alpha/2) \frac{\sigma^2}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu nghiên cứu cần có; $\alpha = 0,05$ là mức ý nghĩa thống kê được chọn, tương ứng $Z(1-\alpha/2) = 1,96$. Dựa vào kết quả nghiên cứu của Simona Hvalic Touzery (2015) [6] có độ lệch chuẩn về thái độ đối với học trực tuyến của sinh viên điều dưỡng là 0,92. Chọn độ chính xác tuyệt đối $d = 0,1$. Thay vào công thức ta tính được $n = 318$.

Để dự phòng các phiếu không hợp lệ, nhóm nghiên cứu lấy thêm 20% cỡ mẫu. Cỡ mẫu thực tế thu được là 389 sinh viên.

- Phương pháp chọn mẫu:

Trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng đào tạo 7 ngành khác nhau, để chọn được các sinh viên tham gia vào nghiên cứu, nhóm sử dụng phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn.

+ Giai đoạn 1: Chọn mẫu tỷ lệ cho từng ngành dựa vào số lượng sinh viên từng ngành, áp dụng công thức:

$$nh = (Nh/n)*N$$

Trong đó: nh là số sinh viên cần nghiên cứu từng ngành, Nh là số sinh viên từng ngành, N là cỡ mẫu cần lấy của toàn trường, n là tổng số sinh viên của toàn trường.

+ Giai đoạn 2: Chọn mẫu thuận tiện trong từng ngành bằng cách gửi biểu mẫu khảo sát đến email của lớp, sau đó ban cán sự lớp sẽ chuyển đến các thành viên trong lớp thông qua email và nhóm zalo của lớp. Nhóm nghiên cứu sẽ theo dõi qua email và đóng link khảo sát khi đạt đủ số lượng mẫu trong từng ngành học.

- Công cụ nghiên cứu và cách đánh giá:

Công cụ nghiên cứu gồm 2 phần: Phần 1 là các thông tin chung của đối tượng nghiên cứu như giới, năm học, ngành học, nơi ở hiện tại, thiết bị điện tử được sử dụng trong học trực tuyến, dịch vụ internet sử dụng, chất lượng dịch vụ internet và kiến thức về công nghệ thông tin; Phần 2 là công cụ đo lường thái độ về học tập trực tuyến của sinh viên sử dụng bộ câu hỏi đo lường thái độ học trực tuyến của sinh viên được phát triển bởi Nu'man M. Al-Musawi năm 2014 (Scale to Measure Student Attitudes Towards E-learning - SMATE) [4]. SMATE gồm 44 câu hỏi thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, bao gồm các câu hỏi mang nghĩa tích cực và các câu hỏi mang nghĩa tiêu cực. Đối với các câu hỏi tích cực, thang điểm đánh giá từ 1 “Rất không đồng ý”, 2 “Không đồng ý”, 3 “Trung lập”, 4 “Đồng ý”, 5 “Đồng ý mức độ rất cao”. Điểm của các câu hỏi mang nghĩa tiêu cực sẽ được đảo ngược so với câu hỏi tích cực. Bộ công cụ đo lường thái độ học trực tuyến gồm 3 khía cạnh: Thuận lợi và khó khăn khi học trực tuyến (10 câu), Trải nghiệm của sinh viên khi học trực tuyến tại trường (22 câu) và Hỗ trợ kỹ thuật và giảng dạy tại trường (12 câu). Điểm thái độ học trực tuyến của sinh viên được tính bằng tổng điểm của 44 câu hỏi. Điểm càng cao, cho thấy sinh viên càng có thái độ tích cực trong việc học trực tuyến.

SMATE đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt theo quy trình dịch ngược. Để kiểm tra độ chính xác, bộ câu hỏi được gửi xin ý kiến của 3 chuyên gia. Sau khi nhận được đề xuất của các chuyên gia, bộ câu hỏi được điều chỉnh và tiến hành thử nghiệm trên 30 sinh viên có đặc điểm tương tự mẫu nghiên cứu để kiểm tra tính nhất quán nội bộ và độ tin cậy. Kết quả Cronbach's Alpha của toàn bộ công cụ trong nghiên cứu này là 0,95; của từng khía cạnh theo thứ tự như sau: Thuận lợi và khó khăn khi học trực tuyến là 0,91; Trải nghiệm của sinh viên khi học trực tuyến tại trường là 0,90 và Hỗ trợ kỹ thuật và giảng dạy tại trường là 0,92.

- Xử lý số liệu:

Số liệu được phân tích bằng SPSS 20.0. Thống kê mô tả được sử dụng mô tả đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu. Kiểm định ANOVA, Pearson's, Point Biserial và Spearman dùng để kiểm tra mối liên quan giữa thái độ học trực tuyến với các biến.

- Đạo đức nghiên cứu:

Nghiên cứu được thực hiện với sự chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng. Các đối tượng tham gia nghiên cứu đã được giải thích rõ ràng về mục đích nghiên cứu và tự nguyện tham gia vào nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung		n (%)
Giới tính	Nam	89 (22,9)
	Nữ	300 (77,1)
Năm học	Năm một	115 (29,6)
	Năm hai	105 (27,0)
	Năm ba	66 (17,0)
	Năm tư	84 (21,6)
	Năm năm	7 (1,8)
	Năm sáu	12 (3,0)
Ngành học	Điều dưỡng	129 (33,1)
	Y khoa	93 (23,9)
	Dược học	86 (22,1)
	KT XNYH	28 (7,2)
	KT HAYH	24 (6,2)
	KT PHCN	22 (5,7)
	YTCC	7 (1,8)
Nơi ở hiện tại	Thành thị	261 (67,1)
	Nông thôn	128 (32,9)
Thiết bị điện tử sử dụng học trực tuyến	Máy tính	232 (59,64)
	Ipad	130 (33,42)
	Điện thoại thông minh	27 (6,94)
Dịch vụ internet	LAN	207 (53,2)
	4G	146 (37,5)
	3G	27 (6,95)
	ADSL	9 (2,35)
Chất lượng dịch vụ internet	Kém	20 (5,15)
	Trung bình	218 (56,0)
	Tốt	145 (37,3)
	Rất tốt	6 (1,55)
Kiến thức về CNTT	GTTB ± ĐLC (Khoảng) 22,3±2,9 (8-40)	

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu là nữ chiếm phần lớn (77,1%), đa số là sinh viên ngành Điều dưỡng (33,1%), Y khoa (23,9%) và Dược học (22,1%). Sinh viên năm thứ nhất (29,6%), thứ hai (27,0%) và thứ tư (21,6%) có tỷ lệ tham gia nhiều hơn các năm còn lại. Sinh viên sử dụng máy tính (59,64%) và mạng LAN (53,2%) để học trực tuyến chiếm tỷ lệ cao. Có 61,15% sinh viên đánh giá chất lượng dịch vụ internet là trung bình và kém. Điểm trung bình về kiến thức CNTT của sinh viên là không cao (22,3±2,9).

3.2. Thái độ học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng

Bảng 2. Thái độ học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng

Lĩnh vực	GTTB	ĐLC	GTNN-GTLN	Khoảng
Thuận lợi và khó khăn khi học trực tuyến	29,9	3,0	17-42	10-50
Trải nghiệm của sinh viên khi học trực tuyến tại trường	63,6	7,2	37-99	22-110
Hỗ trợ kỹ thuật và giảng dạy tại trường	34,2	2,7	25-43	12-60
Thái độ học trực tuyến	127,8	10,2	84-168	44-220

Nhận xét: Điểm trung bình về thái độ học trực tuyến của sinh viên là $127,8 \pm 10,2$; điểm trung bình của từng khía cạnh về Thuận lợi và khó khăn khi học trực tuyến, Trải nghiệm của sinh viên khi học trực tuyến tại trường và Hỗ trợ kỹ thuật và giảng dạy tại trường lần lượt là $29,9 \pm 3,0$; $63,6 \pm 7,2$ và $34,2 \pm 2,7$.

3.3. Mối liên quan với thái độ học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng

Bảng 3. Mối liên quan với thái độ học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng

Nội dung		Thái độ học trực tuyến		
		n	GTTB	p
Giới tính		r = -0,041		0,417 ^b
Nơi ở hiện tại		r = -0,095		0,06 ^b
Năm học		r = -0,126		0,005 ^c
Ngành học	Điều dưỡng	129	127,4	0,662 ^d
	KT PHCN	22	127,9	
	KT XNYH	28	128,8	
	KT HAYH	24	126,4	
	YTCC	7	127,1	
	Dược học	86	126,8	
	Y khoa	93	129,5	
Thiết bị điện tử sử dụng học trực tuyến	Máy tính	232	127,7	0,93 ^d
	Điện thoại	27	127,8	
	Ipad	130	128,1	
Dịch vụ internet	3G	27	125,2	0,43 ^d
	4G	146	127,9	
	ADSL	9	125,1	
	LAN	207	128,2	
Chất lượng dịch vụ internet		r = 0,139		0,002 ^c
Kiến thức về CNTT		r = -0,66		0,193 ^a

^a Pearson's correlation test; ^b Point Biserial correlation test; ^c Spearman correlation test; ^d One-way ANOVA.

Nhận xét: Có mối liên quan giữa thái độ học trực tuyến với năm học của sinh viên và chất lượng dịch vụ internet ($p < 0,05$). Tuy nhiên, khi phân tích mối tương quan giữa các biến này, kết quả cho thấy mối tương quan yếu giữa thái độ với năm học hiện tại của sinh viên tham gia nghiên cứu ($r = -0,126$) và chất lượng dịch vụ internet ($r = 0,139$). Không có mối liên quan giữa giới tính, nơi ở và kiến thức công nghệ thông tin với thái độ học trực tuyến của sinh viên ($p > 0,05$). Không có sự khác biệt về thái độ học trực tuyến của sinh viên

giữa các nhóm ngành học, giữa các nhóm sử dụng thiết bị điện tử khác nhau và giữa các nhóm dịch vụ internet khác nhau ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Thái độ học tập trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên có điểm trung bình về thái độ chưa cao đối với việc học tập trực tuyến (GTTB=127,8; ĐLC=10,2). Kết quả này tương đồng với một nghiên cứu được thực hiện trong sinh viên khoa Y trường Đại học Hacettepe trên 414 sinh viên và nghiên cứu của Lương Đình Hải và cộng sự, thực hiện năm 2020 [2], [8]. Một nghiên cứu khác của Thapa và cộng sự năm 2021 thực hiện trên sinh viên điều dưỡng ở Nepal cũng cho kết quả hơn nửa số sinh viên tham gia nghiên cứu có thái độ tích cực với việc học trực tuyến [9], kết quả này khá tương đồng với kết quả nghiên cứu của chúng tôi.

Ngược lại, kết quả của chúng tôi không tương đồng với nghiên cứu trên sinh viên đại học điều dưỡng khoa Chăm sóc sức khoẻ Jesenice, trường Đại học Ljubljana, kết quả cho thấy, đối tượng nghiên cứu ưu tiên cách học truyền thống hơn hoặc kết hợp với học trực tuyến, sinh viên không ủng hộ việc học trực tuyến đơn thuần [6]. Sự không tương đồng này có thể do nghiên cứu của trường Đại học Ljubljana chỉ thực hiện trên sinh viên điều dưỡng, trong khi nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên tất cả các đối tượng sinh viên các ngành khoa học sức khoẻ.

4.2. Yếu tố liên quan đến thái độ học tập trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng

Nghiên cứu chỉ ra rằng có mối liên quan giữa thái độ học tập trực tuyến với năm học hiện tại ($p=0,005$) với hệ số tương quan yếu với giá trị $r = -0,126$. Tuy nhiên, một nghiên cứu thực hiện trên sinh viên điều dưỡng cho kết quả không có mối liên quan giữa thái độ với năm học của đối tượng nghiên cứu với $p=0,11$ [9]. Tương tự, ở nghiên cứu Kumari (2022) cũng cho kết quả không có mối liên quan ý nghĩa giữa mức độ thái độ học tập trực tuyến với các năm học/khoá học khác nhau [7]. Sự không tương đồng này có thể do 2 nghiên cứu này chỉ thực hiện trên đối tượng sinh viên điều dưỡng- khoá học 3-4 năm, trong khi nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên nhiều đối tượng sinh viên ngành khoa học sức khoẻ -khóa học 4-6 năm. Chất lượng dịch vụ internet có liên quan với thái độ học tập trực tuyến ($p=0,002$) với hệ số tương quan yếu ($r < 0,2$). Chất lượng dịch vụ internet có thể cho là một rào cản lớn trong quá trình học tập trực tuyến. Theo kết quả thu được, trên 60% sinh viên đánh giá rằng chất lượng dịch vụ internet của họ là trung bình và kém, điều này có thể là lý do làm giảm hiệu quả học tập trực tuyến.

Giới tính và nơi sinh sống của đối tượng nghiên cứu không có mối liên quan với thái độ học tập trực tuyến của sinh viên, giá trị lần lượt là $p=0,417$ và $p=0,06$. Nghiên cứu của Kumari (2022) cũng chỉ ra rằng giới tính và nơi sinh sống không liên quan đến thái độ học tập trực tuyến, có giá trị p lần lượt là 0,125 và 0,227 [7]. Ngược lại, Sezer (2016) nghiên cứu trên sinh viên y khoa thì kết luận có sự liên quan giữa 2 nhóm giới tính với thái độ học tập trực tuyến [8]. Bên cạnh đó, các nhóm ngành học khác nhau không có sự khác biệt về thái độ học tập trực tuyến ($p=0,34$). Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Sezer trên sinh viên khoa Y, ở đó tác giả kết luận không có sự khác nhau về mức độ đa dạng của các lớp học, ngành học với thái độ học tập trực tuyến của sinh viên [8].

Nghiên cứu của Odewole-Odesi chỉ ra rằng có mối liên quan ý nghĩa giữa khả năng

sử dụng thiết bị máy tính đối với hiệu quả học tập trong học trực tuyến [3]. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi không tìm thấy có sự khác biệt về thái độ giữa các nhóm sinh viên sử dụng các thiết bị điện tử học trực tuyến khác nhau ($p=0,071$). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng không tìm thấy mối liên quan giữa thái độ học tập trực tuyến với kiến thức về công nghệ thông tin của sinh viên ($p=0,193$). Ngược lại, nghiên cứu trên sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Ljubjana cho ra kết quả rằng những sinh viên có kinh nghiệm hơn với hệ thống e-learning, người sử dụng thiết lập lớp học điện tử trong nhiều môn học hơn có xu hướng có thái độ tích cực hơn với học tập trực tuyến [6].

V. KẾT LUẬN

Điểm trung bình về thái độ học tập trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Y-Dược Đà Nẵng ở mức trung bình ($127,8\pm 10,2$). Thái độ học tập trực tuyến của sinh viên có liên quan với năm học của sinh viên ($p=0,005$) và chất lượng dịch vụ internet ($p=0,002$) ($p<0,05$), tuy nhiên, mối tương quan này là yếu với hệ số r lần lượt là ($r=-0,126$) và ($r=0,139$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Hải Đăng (2020), “Vai trò của các cơ sở giáo dục đại học trong việc phát triển E-Learning nhằm thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời tại Việt Nam.”, *PROCEEDINGS*, 15(1).
2. Lương Hải Đình và cộng sự (2020), “Nhận thức và thái độ của sinh viên đối với việc học tập thông qua các công cụ hội nghị trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19”, *Tạp chí Giáo dục*, 480, tr. 60-64.
3. Adewole-Odeshi, Egbe (2014), “Attitude of students towards E-learning in South-West Nigerian universities: an application of technology acceptance model”, *Library Philosophy and Practice (e-journal)*, 1035.
4. Al-Musaw, Nu'man M. (2014), “Development and validation of a scale to measure student attitudes towards e-learning”, *Journal of Teaching and Teacher Education*, 2(1), pp. 1-12.
5. Huynh, Roy (2017), “The role of E-learning in medical education”, *Academic Medicine*, 92(4), pp. 430.
6. Hvalič-Touzery, S., and B. Lobe. (2015), “Attitudes towards e-learning among Slovenian nursing students: the case of the Faculty of Health Care Jesenice”, *Impact Journal*, pp. 1-14.
7. Kumari, Warrior, and Kaur. (2022), “Attitude towards E-Learning among College Students”, *International Journal of Research in Engineering and Science*, 10(6), pp.541-544.
8. Sezer, Baris. (2016), “Faculty of medicine students' attitudes towards electronic learning and their opinion for an example of distance learning application”, *Computers in Human Behavior*, 55, pp. 932-939.
9. Thapa, Pratima, Suman Lata Bhandari, and Sharada Pathak. (2021), “Nursing students' attitude on the practice of e-learning: A cross-sectional survey amid COVID-19 in Nepal”, *PLoS One*, 16(6), e0253651.
10. Warnecke, Emma, and Skyler Pearson. (2011), “Medical students' perceptions of using e-learning to enhance the acquisition of consulting skills”, *The Australasian Medical Journal*, 4(6), pp. 300-307.

(Ngày nhận bài: 20/2/2023 – Ngày duyệt đăng: 31/3/2023)